TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 19-8-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Tạ Kỳ Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị L, sinh năm 1977 – Xin vắng mặt;

- *Bị đơn*: Anh Phạm Chí T, sinh năm 1973 - Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố L T, phường L H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 1995, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Trảng Bàng (nay là phường L H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp L T, xã L H, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố L T, phường L H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hiểu và thông cảm cho nhau. Từ đó cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng,

nặng nề nên vợ chồng tự ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh T không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Thị Thùy L1, sinh ngày 18-4-1996; Phạm Chí K, sinh ngày 23-5-2007 và Phạm Chí H, sinh ngày 17-01-2012. Cháu L1 hiện đã thành niên và có khả năng lao động, cháu K và cháu H hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu L1; chị đồng ý giao cháu K và cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Chí T trình bày:

Lời trình bày của anh T và chị L về thời gian chung sống, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do năm 2021 anh bị tai nạn giao thông, không làm gì có thu nhập, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng gây gỗ nhau và chị L bỏ nhà đi. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 một con chung tên Phạm Thị Thùy L1, sinh ngày 18-4-1996; Phạm Chí K, sinh ngày 23-5-2007 và Phạm Chí H, sinh ngày 17-01-2012. Cháu L1 hiện đã có gia đình riêng, cháu K và cháu H hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu L1; anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu H, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị L yêu cầu được ly hôn anh Phạm Chí T.

Về con chung: Cháu Phạm Thị Thùy L1, sinh ngày 18-4-1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng;

Giao cháu Phạm Chí K, sinh ngày 23-5-2007 và Phạm Chí H, sinh ngày 17-01-2012 cho anh Phạm Chí T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị L và bị đơn anh Phạm Chí T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Trảng Bàng (nay là phường L H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị L yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn, nhưng cả chị L và anh T đều xin vắng mặt, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, chứng tỏ chị L và anh T đều không có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thùy L1, sinh ngày 18-4-1996; Phạm Chí K, sinh ngày 23-5-2007 và Phạm Chí H, sinh ngày 17-01-2012. Cháu L1 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Cháu K và cháu H hiện đang sống với anh T từ khi chị L và anh T ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu K và cháu H, cả hai cháu đều có nguyện vọng được theo sống với anh T. Nay anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu H, chị L cũng đồng ý giao hai cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L về việc yêu cầu ly hôn anh Phạm Chí T.

Chị Lương Thị L được ly hôn anh Phạm Chí T.

2. Về con chung: Cháu Phạm Thị Thùy L1, sinh ngày 18-4-1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Chí K, sinh ngày 23-5-2007 và cháu Phạm Chí H, sinh ngày 17-01-2012 cho anh Phạm Chí T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014866 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị L, anh T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường L H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc